

TRƯỜNG THCS CẦU GIẤY

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013;

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 28/03/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công nhận Trường Trung học cơ sở Cầu Giấy, quận Cầu Giấy và Trường Trung học cơ sở Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đạt tiêu chí chất lượng cao giai đoạn 2023-2027;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn thủ đô năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Công văn số 2814/UBND-KGVX ngày 31/8/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thành Phố Hà Nội

- Căn cứ Công văn số 3198/SGDĐT-KHTC ngày 31/8/2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thi chi năm học 2023 – 2024;

- Căn cứ văn bản số 2814/UBND-KGVX ngày 31/08/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2023/NQ-Q-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Căn cứ Công văn số 1340/UBND-GDĐT-TCKH ngày 15/09/2023 của UBND quận Cầu Giấy về việc hướng dẫn tăng cường quản lý thu chi trong các trường học trên địa bàn quận năm học 2023 – 2024;

- Căn cứ công văn số 1654/BHXX TST ngày 08/08/2023 về việc thực hiện BHYT học sinh sinh viên năm học 2023 – 2024;

Căn cứ vào nhu cầu tình hình thực tế của nhà trường

TT	Nội dung	ĐV	Số HS	Mức thu	Tổng thu	Tổng chi
A	PHẦN THU				61.178.367.600	
I	Các khoản thu sự nghiệp				47.384.820.000	
1	Học phí	đồng			43.739.820.000	
1.1	Học phí hệ CLC	đồng	1598	3.010.000đ/hs/tháng	43.289.820.000	

1.2	Học phí CLC hệ Song bằng	đồng	50	1.000.000đ/hs/tháng	450.000.000	
2	Chăm sóc bán trú	đồng	1620	150.000đ/hs/tháng	2.187.000.000	
3	Trang thiết bị bán trú	đồng	1620	100.000đ/hs/năm	1.458.000.000	
II	Các khoản thu hộ - chi hộ				13.793.547.600	
1	Tiền ăn bán trú	đồng	1620	35.000đ/hs/ngày	10.206.000.000	
2	Bảo hiểm y tế	đồng	1569	680.400đ/năm	1.067.547.600	
3	Học phí Song bằng Cambrige	đồng	50	5.600.000đ/hs/tháng	2.520.000.000	
B	PHẦN CHI					61.178.367.600
I	Các khoản thu sự nghiệp					47.384.820.000
				21,91% Chi lương và các khoản phụ cấp		9.582.700.000
				4,4% Chi các khoản đóng góp		1.922.500.000
				0,64% Dự kiến tăng lương		280.000.000
				11,99% chi thu nhập tăng thêm		5.243.520.000
				6,41% chi định biên vượt giờ 19 tiết/tuần/GV, CLB văn hóa, các tiết vượt giờ so với chương trình của Bộ		2.802.560.000
				3,62% chi công tác kiêm nhiệm		1.585.000.000
				3% chi công tác quản lý		1.312.194.600
				8,71% chi trả dạy Tiếng anh Skillfull khối 6,7		3.811.500.000
				5,22% chi trả dạy Toán Tiếng Anh, Tiếng Nhật, Stem cho học sinh khối 6,7,8		2.284.800.000
1	Học phí			3,94% chi trả hợp đồng trường (giáo viên chuyên gia, giáo viên thỉnh giảng, nhân viên...)		1.723.000.000
				9,32% chi công các chuyên môn (mua sắm vật tư chuyên môn, các hoạt động ngoại khóa, thiết bị dạy và học...)		4.077.000.000
				2,77% Chi dịch vụ (nước uống, sở liên lạc, vệ sinh công nghiệp, chăm sóc hoa cây cảnh, thu gom rác thải, phun thuốc phòng chống dịch bệnh....)		1.210.000.000
				2,25% Chi điện nước		983.264.000

		7,02% Chi sửa chữa, cải tạo CSV, mua sắm	2.633.130.000
		7,24% Chi trích lập các quỹ theo quy định	3.368.000.000
		Chi phí khác	920.651.400
2	Chăm sóc bán trú	61,7% chi GV,NV trực tiếp chăm sóc bán trú	1.349.379.000
		25,6% chi công tác quản lý	559.872.000
		12,7% chi phục vụ công tác bán trú, giám sát bếp ăn, công tác thanh kiểm tra bán trú	277.749.000
3	Trang thiết bị bán trú	100% Mua bổ sung chăn, khay ăn, bát, xoong, xà phòng và cơ sở vật chất bán trú.....	1.458.000.000
II	Các khoản thu hộ - chi hộ		13.793.547.600
1	Tiền ăn bán trú	100% trả cho công ty cung cấp suất ăn	10.206.000.000
2	Bảo hiểm	100% trả cho Bảo hiểm XH Cầu Giấy	1.067.547.600
3	Học phí Song bằng Cambridge	Chi trả tiền lương cho giáo viên giảng dạy chương trình IGCSE, A-level (Môn ICT, Môn Toán Tiếng Anh, Môn khoa học: 2.070.000đ/tiết, Môn Tiếng Anh ngôn ngữ thứ 2: 1.840.000đ/tiết)	2.520.000.000
		Chi tiền giáo trình của giáo viên	
		Chi trả phí bản quyền của CAIE (phí thường niên)	
		Trả lương cho điều phối viên chương trình	
C	Mức thu nhập giáo viên	Cao nhất	45.500.000
		Trung bình	28.650.000
		Thấp nhất	11.800.000
D	Mức thu nhập Quản lý	Cao nhất	69.200.000
		Trung bình	63.000.000
		Thấp nhất	56.800.000
E	TRỢ CẤP VÀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ	- 0 có học sinh thuộc diện được giảm học phí (Thực hiện theo ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021)	0
		- 10 người bao gồm cả giáo viên và học sinh được trợ cấp khó khăn vào dịp tết.	7.500.000

VÀ
 HƯNG
 NG H
 O SỞ
 U G
 GIẤY -

F	Dự kiến mức thu cho cả khóa học		
I	Các khoản thu sự nghiệp		
1	Học phí chất lượng cao năm học 2023 - 2024		
1.1	Học phí hệ CLC	3.300.000đ/hs/tháng	Do năm học 2022 - 2023 không thu tăng học phí khi được UBND Thành phố phê duyệt chất lượng cao giai đoạn 2022 - 2027 vì thời điểm phê duyệt là tháng 3/2023
1.2	Học phí CLC hệ Song bằng	1.100.000đ/hs/tháng	
2	Học phí chất lượng cao năm học 2024 - 2025	3.950.000đ/hs/tháng	
3	Học phí chất lượng cao năm học 2025 - 2026	4.350.000đ/hs/tháng	
3	Học phí chất lượng cao năm học 2026 - 2027	4.800.000đ/hs/tháng	
Với các khoản thu khác sẽ thu theo văn bản hướng dẫn của từng năm học			

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2023

Trụ trường đơn vị



[Signature]
Lê Kim Anh

